TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2025.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhÂ dÂ:

1. Bà Trần Thị Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mùi Văn Â, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1994.

Số CCCD: 014094009843, cấp ngày 23/9/2022.

Địa chỉ: Bản S, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Nay là bản S, xã T, tỉnh S, có mặt.

- Bị đơn: Chị Mùi Thị Ả, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1999.

Số CCCD: 014199008882, cấp ngày 23/9/2022.

Địa chỉ: Bản S, xã T, thị xã M, tỉnh S.

Nay là bản S, xã T, tỉnh S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 05/5/2025, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Mùi Văn Â trình bày:

Anh Â và chị Ả kết hôn với nhau ngày 05/4/2017, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn chị Ả về nhà anh Â ở.

Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên phát sinh, mặc dù đã cố gắng nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung. Hiện nay anh Â và chị Ả không ở với nhau nữa, chị Ả đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Ả ở từ tháng 3 năm 2025.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Â đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Â được ly hôn với chị Ả.

Về con chung: Có 02 cháu là cháu Mùi Tiền Đô, sinh 12/02/2017, cháu Mùi Tiến Thành, sinh 06/10/2018.

Từ khi chị Ả bỏ đi hai cháu Đô và Thành do anh Â nuôi dưỡng. Các cháu không mất năng lực hành vi dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Â xin được nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị Ả phải đóng góp tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không đề nghị gì thêm.

Về án phí: Anh Â xin chịu toàn bộ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần Hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Căn cứ khoản 5 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị:

1. Tuyên xử cho anh Mùi Văn Â được ly hôn với chị Mùi Thị Ả

2. Về con chung: Giao cho anh Mùi Văn Â trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai cháu là cháu Mùi Tiền Đô, sinh 12/02/2017 và cháu Mùi Tiến Thành, sinh 06/10/2018 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho chị Mùi Thị Ả vì anh Mùi Văn Â chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

5.Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Mùi Văn Â phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Mùi Thị Â không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn anh Mùi Văn Â đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng của Tòa án, Lãnh đạo bản do không trực tiếp gặp được chị Ả, đã giao lại cho bố mẹ chị Ả để bố, mẹ chị Ả giao lại cho chị Ả nhưng chị Ả không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà văn hóa bản nơi chị Ả cư trú.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định chị Mùi Thị Ả đã biết việc anh Â xin ly hôn chị, nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Nguyên nhÂ mâu thuẫn là do chị Ả có quan hệ ngoại tình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nghiêm trọng.

Về tài sản chung: Không có.

Vay nợ chung: Địa phương không nắm bắt được, đến thời điểm hiện tại cũng không thấy ai đến kiện đòi nợ.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dÂ sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhÂ:

Anh Â và chị Ả kết hôn với nhau ngày 05/4/2017, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn chị Ả về nhà anh Â ở.

Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên phát sinh, mặc dù đã cố gắng nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung. Hiện nay anh Â và chị Ả không ở với nhau nữa, chị Ả đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Ả ở từ tháng 3 năm 2025.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Â đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Â được ly hôn với chị Ả.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không duy trì được, cần giải quyết cho anh Â được ly hôn với chị Ả.

Về con chung: Anh Â, chị Ả có hai con chung là cháu Mùi Tiền Đô, sinh 12/02/2017 và cháu Mùi Tiến Thành, sinh 06/10/2018. Từ khi chị Ả bỏ đi hai cháu do anh Â nuôi dưỡng. Các cháu không mất năng lực hành vi dÂ sự. Tòa án cũng đã lấy ý kiến các cháu sau khi bố, mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với anh Â. Do đó cần giao hai cháu cho anh Mùi Văn Â trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho chị Mùi Thị Ả vì anh Mùi Văn Â chưa yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Mùi Văn Â phải chịu án phí theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51; các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Xử cho anh Mùi Văn Â được ly hôn với chị Mùi Thị Ả.

2. Về con chung: Giao cho anh Mùi Văn Â trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai cháu là cháu Mùi Tiền Đô, sinh 12/02/2017 và cháu Mùi Tiến Thành, sinh 06/10/2018 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho chị Mùi Thị Ả vì anh Mùi Văn Â chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Anh Mùi Văn Â xác định không có nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Anh Mùi Văn Â phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DS/ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002941 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dÂ sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Nay là phòng THADS Khu vực 6 - Sơn La).

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân Khu vực 6 – Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh